TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23/4/2019
V/v Xin ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Hiền.

2. Ông Lê Tú Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp không phải tham gia.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 về việc: "Xin ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tạ Thị Thanh T – sinh năm 1985 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 24, khu phố X, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Ngô Văn L – sinh năm 1982 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 24, khu phố X, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai bà Tạ Thị Thanh T trình bày:

Bà và ông Ngô Văn L chung sống với nhau vào năm 2006, đến nay vẫn chưa

đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm sống, làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, từ tháng 9/2018 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà xin được ly hôn với ông Ngô Văn L.

Về con chung: Có 02 người con chung gồm 1/ Ngô Thị Kim Q – sinh ngày 09/5/2007, giới tính nữ; 2/Ngô Trâm A – sinh ngày 17/5/2009, giới tính nữ. Bà xin được nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 03/4/2019, bà xin thay đổi một phần yêu cầu về việc không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi 02 con.

Theo bản khai và biên bản hòa giải về việc nuôi con, cấp dưỡng ông Ngô Văn L trình bày:

Về hôn nhân như bà T trình bày là đúng, hiện tại ông và bà T vẫn chưa có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau hơn 06 tháng nay. Do cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên ông cũng đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: có 02 người con chung là Ngô Thị Kim Q – sinh ngày 09/5/2007 và Ngô Trâm A – sinh ngày 17/5/2009. Ông đồng ý giao 02 con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Theo biên bản ghi nhận ý kiến của 02 cháu Ngô Thị Kim Q và Ngô Trâm A: Nếu cha, mẹ không còn chung sống với nhau thì 02 cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ là bà Tạ Thị Thanh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về việc "Ly hôn và nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân huyện K. Đối với quan hệ hôn nhân và con chung của vợ chồng thì áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xem xét giải quyết.

[2] Về tố tụng: Bà Tạ Thị Thanh T và ông Ngô Văn L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ kiện theo quy định tại Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Tạ Thị Thanh T và ông Ngô Văn L không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cả bà T và ông L đều thừa nhận chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 và đến nay vẫn không làm thủ tục đăng ký hết hôn. Do đó, hôn nhân giữa bà T và ông L đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý; 2. Vợ chồng đã ly hôn muốn xác lập lại quan hệ vợ chồng thì phải đăng ký kết hôn".* Mặt khác, bà T và ông L là những người có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, do đó không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này…".* Bà T có yêu cầu xin ly hôn nhưng hôn nhân giữa bà T và ông L không có đăng ký kết hôn, nên xét không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T, mà tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Tạ Thị Thanh T và ông Ngô Văn L theo quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Tòa án thụ lý đơn yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.*

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 điều

14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này."

[4] Về con chung: Quá trình chung sống giữa bà T và ông L có với nhau 02 người con chung là Ngô Thị Kim Q – sinh ngày 09/5/2007, giới tính nữ và Ngô Trâm A – sinh ngày 17/5/2009, giới tính nữ. Bà T và ông L thỏa thuận về con chung như sau: Giao 02 cháu Kim Q và Trâm A cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Xét sự thỏa thuận của bà T và ông L phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu, đồng thời bà T cũng có đủ điều kiện nuôi dạy con chung, sự thỏa thuận này không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung của bà T và ông L, giao 02 cháu Kim Q và Trâm A cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà T không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Bảo lưu quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con của bà T và ông L.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Do bà Tạ Thị Thanh T có yêu cầu xin ly hôn với ông Ngô Văn L nên bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì caùc leõ treân,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 144, 146, 147, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 14, 53, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Tạ Thị Thanh T và ông Ngô Văn L.

- Về con chung: Có 02 người con chung là Ngô Thị Kim Q – sinh ngày 09/5/2007, giới tính nữ và Ngô Trâm A – sinh ngày 17/5/2009, giới tính nữ.

Ghi nhận sự thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung của bà T và ông L như sau: Giao 02 cháu Kim Q và Trâm A cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ông L không phải cấp dưỡng nuôi 02 con do bà T không yêu cầu.

Bảo lưu quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng của bà T và ông L.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Bà Tạ Thị Thanh T phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Sau khi khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0007809 ngày 18/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, nên bà T không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Báo cho bà T và ông L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Những người TGTT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

Nguyễn Văn Pho